TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

Ông Phan Minh Đức.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa:*** Ông Giang Tấn Sỹ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1986.(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Thuận Ho, huyện Long M, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn***:** Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Số XX, ấp Tân B, xã Long B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Vào năm 2007 thì bà và ông Huỳnh Văn M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/5/2008 và Nguyễn Quốc L, sinh ngày 28/6/2012. Trong quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu vợ chồng bà chung

sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 11/2016 thì vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông M bạo hành với bà nhưng không có ai thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng không ai biết. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Tại phiên Tòa hôm nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Huỳnh Văn M.

- Về con chung: Bà yêu cầu nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/5/2008 và cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 28/6/2012, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và cấp dưỡng 01 lần.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn M trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim D về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông đồng ý với yêu cầu của bà D là không công nhận là vợ chồng với ông. Về con chung: Ông đồng ý cho bà D nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Chí T và cháu Nguyễn Quốc L và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa HĐXX đúng thành phần, các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 53; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Huỳnh Văn M, về con chung giao 02 cháu Nguyễn Chí T và cháu Nguyễn Quốc L cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, buộc ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Vào năm 2007, bà Nguyễn Thị Kim D và ông Huỳnh Văn M sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù bà D và ông M chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện nhưng quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận. Trong cuộc sống hằng ngày giữa bà D và ông M luôn bất đồng quan điểm và đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bà D trình bày, thời gian đầu vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian sau này vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M bạo hành với bà

nên bà không thể nào tiếp tục sống chung với ông M được nữa nên bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông M. Tại phiên Tòa, ông M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai người không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim D về việc không công nhận vợ chồng với ông Huỳnh Văn M.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà D và ông M có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/5/2008 và Nguyễn Quốc L, sinh ngày 28/6/2012. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và cấp dưỡng 01 lần. Tại biên bản làm việc ngày 30/11/2017 của cháu Nguyễn Chí T trình bày khi cha, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với cha là ông Huỳnh Văn M vì ông M quan tâm và chăm sóc cháu nhiều hơn. Mặc dù cháu T đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống chung với ông M nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng khi giao con cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng thì phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, cháu T và cháu L từ khi sinh ra cho đến nay luôn sống chung với bà Du, hiện nay hai cháu đang học tại huyện L, tỉnh Hậu Giang, trường học cách nhà bà D khoảng 03km, trong khi ông M lại sinh sống ở thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Bà D cũng có thu thập ổn định từ việc buôn bán hằng ngày. Còn ông M mặc dù có hộ khẩu tại xã Long B, thị xã N nhưng ông phải giữ nhà trọ cho con ông tại Cần Thơ, thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc các con. Tại phiên tòa, ông M cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng vì không muốn tách rời tình cảm anh em, nếu sau này các con lớn mà có nguyện vọng sống với ông thì ông sẽ đồng ý nuôi dưỡng. Do đó, để không làm thay đổi nơi sinh sống, học hành của cháu T và cháu L, nhằm ổn định tâm lý để các cháu được phát triển bình thường, Hội đồng xét xử nghỉ nên giao 02 cháu T và cháu L cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là nghĩa vụ chung của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi dưỡng phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông M đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.300.000đ (Mỗi người con 650.000đ/tháng), cho đến khi các con đủ 18 tuổi, bà D cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này nhưng bà yêu cầu ông cấp dưỡng một lần. Thấy rằng, hiện nay ông M đã trên 60 tuổi, không còn khả năng lao động, theo ông M thì hiện nay ông chỉ quản lý nhà trọ cho con ông ở Cần Thơ mỗi tháng 3-4 triệu đồng nên ông M không đồng ý cấp dưỡng một lần. Theo quy định tại điểm c, mục 11, Nghị Quyết số 02/2000/NQ-HĐTP, ngày 23/12/2000, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 *" Về phương thức cấp dưỡng do các bên thoả thuận định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì Toà án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2,

khoản 3 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng), nhằm duy trì cuộc sống ổn định cho các cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Hội đồng xét xử tuyên án đến khi cháu T và cháu L đủ 18 tuổi, việc bà D yêu cầu cấp dưỡng 01 lần là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho ông M không ai được quyền ngăn cản,

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại viện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu số tiền 300.000đ. Ông Huỳnh Văn M không phải chịu vì hiện nay ông Màu đã trên 60 tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm c, mục 11, Nghị Quyết số 02/2000/NQ-HĐTP, ngày 23/12/2000, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D.

- Về hôn nhân: Tuyên bố bà Nguyễn Thị Kim D và ông Huỳnh Văn M không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/5/2008 và cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 28/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Huỳnh Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02

con chung mỗi tháng 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm ngàn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Hội đồng xét xử tuyên án đến khi cháu T và cháu L đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho ông M không ai được quyền ngăn cản,

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Huỳnh Văn M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008011, ngày 05/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, bà D đã nộp xong án phí. Ông Huỳnh Văn M được miễn tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Nơi nhận:
-VKSND thị xã Ngã Năm;
-T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
-TAND tỉnh ST;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Anh Tuấn